TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN GIANG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06/11/2019
"V/v: Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Quyết Thắng

2/ Ông Đỗ Đức Tuân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Nhật – Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2019/TLST-HNGĐ ngày 16/8/2019 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lưu Thị T;** Sinh năm: 1994

HKTT: PT - MS - VG - HY.

Hiện trú tại: HC – LH – VL – HY.

Bị đơn: Anh **Đỗ Xuân D**; Sinh năm: 1986

HKTT: PT - MS - VG - HY.

Người làm chứng:

Ông **Đỗ Thái H**; Sinh năm: 1955

Trú tại: PT – MS - VG – HY

Tại phiên tòa: Chị T có mặt; Anh D, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Ngày 21/01/2013, chị với anh D được đăng ký kết hôn tại UBND xã MS, huyện Văn Giang trên tinh thần cả hai bên cùng tự nguyện, không ai ép buộc, lừa dối.

Sau ngày cưới, chị về chung sống cùng gia đình anh D tại thôn PT, MS.

Anh chị chung sống tại MS được khoảng hơn 1 năm, do công việc khó khăn nên cả hai cùng vào miền nam làm việc tại đó. Được khoảng 1 năm chị về trước, anh D tiếp tục ở lại làm khoảng 1 năm nữa mới về.

Do công việc không ổn định, anh D ham chơi, đặc biệt là chơi game, khi anh D chơi nhiều dẫn đến không tập trung vào công việc, vợ chồng không hợp nhau nên anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, xảy ra cãi cọ nhau.

Chung sống một thời gian dài, chị với anh D không có con chung, mặc dù đã đi khám, bác sĩ kết luận khả năng sinh con của vợ chồng chị đều bình thường nhưng sau 6 năm chung sống, anh chị cũng chưa thể sinh con. Điều này cũng ảnh hưởng tới tâm lý và cuộc sống của vợ chồng chị.

Từ khi ở miền nam về, có khoảng hơn 1 năm anh D không làm công việc gì, chị đi làm công nhân. Sau đó một thời gian anh D tiếp tục đi làm nhưng không ổn định, chỉ một thời gian ngắn lại bỏ, do không có thu nhập nên cuộc sống, kinh tế gia đình khó khăn. Chị và bố mẹ của anh đã rất nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không nghe.

Cách đây khoảng hơn 1 tháng chị với anh D cãi cọ nhau trầm trọng, không hàn gắn được nên chị đã bỏ ra ngoài thuê nhà ở.

Từ khi chị ra ngoài ở đến nay, có thời gian đầu anh D gọi điện thoại, nhưng cách đây khoảng 2 tháng, anh D không gọi điện cho chị nữa. Chị xác định cho Dù anh D có thuyết phục chị quay về thì chị cũng không về đoàn tụ nữa vì tình cảm vợ chồng không còn. Chị cũng nói với anh D sẽ làm đơn xin ly hôn, anh D không đồng ý và thể hiện thái độ gây khó khăn cho chị, cương quyết không đến Tòa án làm việc.

Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

Chị với anh D không có con chung, không nhận ai làm con nuôi, hiện nay chị cũng không mang thai.

Đến nay anh chị không có tài sản gì chung, không liên quan gì với nhau về công nợ và đất ruộng nông nghiệp. Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về các vấn đề trên.

Chị không có yêu cầu gì về công sức đóng góp trong thời gian chung sống cùng gia đình anh D.

Bị đơn – Anh Đỗ Xuân D trình bày:

Anh với chị T kết hôn từ năm 2013, đến nay đã chung sống với nhau 6 năm.

Có một thời gian hai vợ chồng vào miền Nam làm ruốc nhưng sức khỏe của chị T yếu, không làm được nên sau một thời gian lại về. Từ đó chị T đi làm công nhân tại khu công nghiệp Phố Nối, ngày đi làm, tối về anh thấy chị T thường nói chuyện với người đàn ông nào đó tới 1-2 giờ sáng.

Khi đi làm, chị T cũng không đóng góp tiền lương để xây dựng kinh tế gia đình, tiền anh làm ra thì dùng để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Do thời gian dài như vậy nên anh chán nản, không muốn làm việc gì nữa.

Cách đây hơn 1 tháng, chị T bỏ nhà đi, khi đi chị T nói với anh là đi thuê nhà trọ ở và làm việc tại Phố Nối. Từ khi chị T đi, anh có gọi điện thì chị T có thái độ không đúng mực, chửi bới anh trên điện thoại, sau này còn tắt máy không nghe điện của anh.

Nay chị T làm đơn xin ly hôn, nếu chị T nhất quyết muốn ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Anh với chị T chung sống hơn 6 năm nhưng vẫn chưa có con chung, anh chị không nhận con nuôi.

Anh chị không có tài sản gì chung, không liên quan gì với nhau về công nợ và đất ruộng nông nghiệp. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng – Ông Đỗ Thái H có ý kiến:

Từ năm 2013, anh D và chị T kết hôn và về chung sống, ăn chung cùng gia đình ông một thời gian rồi ông cho anh chị ra ăn riêng, ở riêng trên nhà đất của ông tạo dựng.

Do anh chị đã trưởng thành nên cuộc sống riêng đều do anh chị tự lập. Trong cuộc sống, vợ chồng anh chị có khi xảy ra mâu thuẫn nhưng đó là chuyện bình thường. Chung sống với nhau 6 năm anh chị không có con chung, không xây dựng được kinh tế gì.

Cách đây hơn một tháng, chị T bỏ nhà đi, không nói gì với gia đình ông. Ông đã gọi điện thoại nói chuyện với gia đình chị T về việc chị T bỏ đi.

Chị T không đóng góp được gì vào kinh tế gia đình ông. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, quan điểm của ông để chị T và anh D quyết định.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện:

Anh Đỗ Xuân D và chị Lưu Thị T được đăng ký kết hôn tại UBND xã MS vào ngày 21/01/2013.

Trong thời gian chung sống, anh D và chị T sống cùng bố mẹ anh D tại thôn PT, sau có một thời gian đi làm kinh tế ở xa. Từ khi kết hôn tới nay, anh D và chị T chưa có con chung, không nhận ai làm con nuôi.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Lưu Thị T trình bày:

Chị giữ nguyên quan điểm, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và các vấn đề khác.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Văn Giang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà hôm nay, Thẩm phán, HĐXX đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự thủ tục đảm bảo khách quan, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định.

Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quy định tại điều 70; điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không chấp hành đúng quy định tại điều 70; điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lưu Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và đất nông nghiệp không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện và hồ sơ gửi kèm theo của chị Lưu Thị T về việc xin ly hôn với anh Đỗ Xuân D thể hiện: Anh Đỗ Xuân D có Hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại PT, MS, Văn Giang, Hưng Yên. Người khởi kiện đã cung cấp đúng địa chỉ của người bị kiện. Do đó, Tòa án đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến làm việc nhưng anh D đều vắng mặt. Tại phiên tòa, anh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự và thông báo kết quả xét xử cho anh D cũng đảm bảo quyền lợi của anh D.

2. Về nội dung

2.1. Về quan hệ hôn nhân

Căn cứ bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 09 năm 2013 của UBND xã MS và cung cấp của Cán bộ tư pháp xã MS đã xác định: Anh Đỗ Xuân D và chị Lưu Thị T đăng ký kết hôn ngày 21/01/2013 tại UBND xã MS, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, không ai ép buộc, việc kết hôn đảm bảo các điều kiện quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa anh D và chị T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa anh D và chị T xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng cãi cọ nhau, không hạnh phúc, điều này được cả anh D và chị T đều thừa nhận.

Chung sống với nhau hơn 6 năm nhưng đến nay vợ chồng chưa có con chung, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến tâm lý vợ chồng không ổn định, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Đến nay anh chị đã ly thân với nhau một thời gian mà không đoàn tụ, cả hai anh chị cũng không có hành động gì chứng tỏ việc mong muốn tiếp tục quay về chung sống với nhau.

Khi chị T làm đơn xin ly hôn, anh D mặc dù không đến Tòa án làm việc, nhưng khi được Tòa án hỏi về quan điểm về việc ly hôn, anh D cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Như vậy có thể xác định tình cảm giữa chị T với anh D đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ vợ chồng trên thực tế không còn, đời sống chung không thể kéo dài. HĐXX sẽ căn cứ vào điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn với anh D.

2.2. Về con chung: Chị Lưu Thị T và anh Đỗ Xuân D không có con chung, anh chị không nhận ai làm con nuôi, hiện nay chị T không mang thai nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản, công nợ và đất ruộng nông nghiệp: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4. Về công sức đóng góp: Chị Lưu Thị T không có yêu cầu gì nên sẽ không đặt ra xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí, chị T chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Văn Giang

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ vào Khoản 1 điều 51; điều 56; điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về nội dung

- ***Về quan hệ hôn nhân***: Xử cho chị Lưu Thị T được ly hôn anh Đỗ Xuân D.

- ***Về con chung***: Không đặt ra giải quyết.

- ***Về công sức; tài sản chung; công nợ và đất ruộng***: Không đặt ra giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị Lưu Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chị cục thi hành án dân sự theo biên lai số 016033 ngày 16/8/2019, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày bản án được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên
- VKSND huyện Văn Giang
- THADS huyện Văn Giang
- UBND xã MS.
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Bích Thủy